GrammarTrack

SƠ CẤP PHIẾU BÀI TẬP PDF

Bài tập tân ngữ trong tiếng Anh có đáp án



có đáp án

Tân ngữ trực tiếp, tân ngữ gián tiếp, đại từ tân ngữ và vị trí của tân ngữ trong câu. Một khung quy tắc ngắn và năm bài tập, có một bài về lỗi người Việt hay mắc. Đáp án ở trang cuối. Trình độ A1-A2.

HỌ TÊN

NGÀY

QUY TẮC

Ghi nhớ

Tân ngữ (object) là người, vật chịu tác động của động từ. Hỏi **ai?** hoặc **cái gì?** sau động từ: *My dad repairs* **old bikes**.

Chủ ngữ	I	you	he	she	it	we	they
Tân ngữ	me	you	him	her	it	us	them

- Hai tân ngữ: **V + người + vật** (*give* **me** *the key*) hoặc **V + vật + to/for + người** (*give the key* **to me**).
- **to**: give, send, show, lend, tell. **for**: buy, make, cook, get.
- Trạng từ đứng sau tân ngữ: *I like football* **very much**.

1 Bài 1. Đại từ tân ngữ

Điền đại từ tân ngữ phù hợp (xem bảng ở trên) vào chỗ trống.

1 **Where are my keys? I can't find _____ anywhere.**

2 **Ms Hoa is very kind. All the students like _____.**

3 **We're lost. Can you help _____, please?**

4 **Mr Long phoned. Please call _____ back after lunch.**

2 Bài 2. Tìm tân ngữ trực tiếp

Chọn tân ngữ trực tiếp của mỗi câu.

1 My grandma grows vegetables in her garden.

a) My grandma | b) vegetables | c) her garden

2 The students are watching a film about whales.

a) The students | b) a film about whales | c) whales

3 Lan sent her teacher a long message.

a) Lan | b) her teacher | c) a long message

4 Do you know where the bus stop is?

a) you | b) where the bus stop is | c) the bus stop

3 Bài 3. Đổi vị trí hai tân ngữ

Viết lại câu, đổi vị trí hai tân ngữ. Thêm hoặc bỏ to, for khi cần.

1 She gave her brother a watch.

2 Dad cooked us dinner.

3 I'll send the photos to you tonight.

4 Grandpa bought a kite for my sister.

5 The guide showed the tourists the old temple.

4 Bài 4. Lỗi người Việt hay mắc

Mỗi câu có một lỗi về tân ngữ. Viết lại câu đúng.

1 **I very like Korean films.**

2 **Everyone in my class likes she.**

3 **We discussed about the trip yesterday.**

4 **My teacher explained me the exercise.**

5 **I listen music every evening.**

6 **This is my new phone. Do you like?**

7 **The TV is too loud. Please turn off it.**

8 **Can you borrow me your bike this weekend?**

9 **My aunt married with a doctor.**

10 **Wait me at the bus stop.**

5 Bài 5. Dịch sang tiếng Anh

Dịch các câu sau sang tiếng Anh. Chú ý vị trí của tân ngữ.

1 **Hôm qua mẹ tôi nấu cho chúng tôi một bữa tối ngon.**

2 **Bạn có thể giải thích bài này cho tôi không?**

3 **Tôi thích bài hát này lắm.**

4 **Anh ấy đang đợi chúng tôi ở cổng trường.**

5 **Hôm qua cô giáo kể cho chúng tôi một câu chuyện.**

QUÉT MÃ ĐỂ TẢI ỨNG DỤNG

Luyện tập trong ứng dụng GrammarTrack

Nhiệm vụ hằng ngày, XP và chuỗi ngày học – có âm thanh và chấm điểm ngay.

Tải về trên App Store

Tải nội dung trên Google Play

Hoặc luyện tập trên website: grammartrack.com/vi/courses/topics/parts-of-sentence

Đáp án

Bài tập tân ngữ trong tiếng Anh có đáp án

1

1 them | 2 her | 3 us | 4 him

2

1 b) vegetables | 2 b) a film about whales | 3 c) a long message | 4 b) where the bus stop is

3

1 She gave a watch to her brother.
2 Dad cooked dinner for us.
3 I'll send you the photos tonight.
4 Grandpa bought my sister a kite.
5 The guide showed the old temple to the tourists.

4

1 I really like Korean films. (hoặc: I like Korean films very much.)
2 Everyone in my class likes her.
3 We discussed the trip yesterday.
4 My teacher explained the exercise to me.
5 I listen to music every evening.
6 This is my new phone. Do you like it?
7 The TV is too loud. Please turn it off.
8 Can you lend me your bike this weekend?
9 My aunt married a doctor.
10 Wait for me at the bus stop.

5

1 Yesterday my mum cooked us a delicious dinner. (hoặc: ... cooked a delicious dinner for us.)
2 Can you explain this exercise to me? (hoặc: Could you explain this exercise to me?)
3 I like this song very much. (hoặc: I really like this song.)
4 He is waiting for us at the school gate.
5 Yesterday our teacher told us a story. (hoặc: ... told a story to us.)